

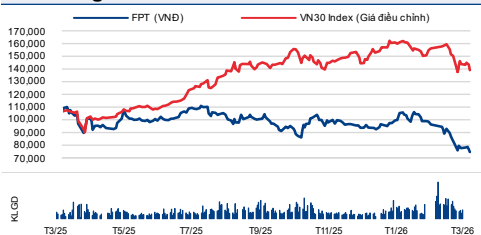
Mua vào

Giá mục tiêu: VND113,500
Tiềm năng tăng/giảm: 52.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/3/2026)	74,600
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	74,600-110,945
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	77,520
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	127,083
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,832
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	78,813	88,483
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,883	15,805	17,760
LNTT (tỷ đồng)	13,039	14,992	16,903
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,353	10,583	11,933
FCF (tỷ đồng)	5,038	7,542	9,456
EPS ĐC (đồng)	5,060	5,726	6,456
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	21,418	25,624	29,580
T.trưởng EBITDA (%)	6.44	13.8	12.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	2.92	13.2	12.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	20.1	20.1
Tỷ suất LNTT (%)	18.6	19.0	19.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	13.5	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	39.5	34.9	38.7
Nợ thuần/VCSH (%)	31.0	25.3	27.6
ROAE (%)	28.3	26.5	25.4
ROACE (%)	26.2	25.4	24.3
EV/doanh thu (lần)	1.96	1.74	1.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.91	8.68	7.88
P/E ĐC (lần)	14.7	13.0	11.6
P/B (lần)	3.48	2.91	2.52
Lợi suất cổ tức (%)	2.68	2.68	3.35

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Đặt mục tiêu tăng trưởng LNTT 15% trong năm 2026

- FPT đặt mục tiêu LNTT năm 2026 đạt 11,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15%), thấp hơn 5% so với dự báo của HSC ở mức 12,3 nghìn tỷ đồng, có khả năng do các điều chỉnh về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, mục tiêu lợi nhuận thuần sát với dự báo của chúng tôi ở mức 10,5 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 14,3%). Công ty đề ra mục tiêu doanh thu thuần 58,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15,8%), thực tế cao hơn 3% so với kỳ vọng của chúng tôi – có thể do BLĐ có tâm lý lạc quan hơn đối với mảng Công nghệ.
- FPT dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 2.000đ/cp (lợi suất cổ tức là 2,7%) và 10% cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2025. Công ty cũng đề xuất mức cổ tức bằng tiền mặt tối đa là 2.000đ/cp cho năm 2026.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 23% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,7 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm lịch sử là 19 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT, với tiềm năng tăng giá là 52%.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2026

FPT đã công bố tài liệu cho ĐHCĐ năm 2026, dự kiến sẽ diễn ra ngày 16/4/2026. Nội dung tài liệu bao gồm KHKD cho năm 2026, kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 - 2026 và các vấn đề quan trọng khác. Những thông tin chính như sau:

Đặt mục tiêu tăng trưởng LNTT và doanh thu 15%/15,8% trong năm 2026

Đúng như dự báo, trong KHKD năm 2026, FPT đã phản ánh 45,66% cổ phần tại FPT Telecom (FOX; chưa khuyến nghị) vào vào mảng "Giáo dục, đầu tư và các mảng khác" theo phương pháp vốn CSH. Số liệu năm 2025 cũng đã được điều chỉnh lại tương ứng. Trước đây, FOX được hợp nhất vào BCTC của công ty.

Mục tiêu LNTT năm 2026 của FPT là 11.629 tỷ đồng, tăng trưởng 15%, so với LNTT năm 2025 sau điều chỉnh ở mức 10.108 tỷ đồng. Mặc dù mục tiêu LNTT năm 2026 thấp hơn 5,4% so với kỳ vọng 12.257 tỷ đồng, HSC cho rằng điều này chủ yếu liên quan đến các điều chỉnh mang tính kỹ thuật liên quan đến việc tính toán lại số liệu của FOX. Đáng chú ý, tại buổi trao đổi với chúng tôi, BLĐ công ty cho biết mục tiêu lợi nhuận thuần năm 2026 là 10.520 tỷ đồng, tăng trưởng 14,3% và gần như sát với dự báo hiện tại của chúng tôi ở mức 10.602 tỷ đồng (tăng trưởng 15,2%).

FPT đặt mục tiêu doanh thu thuần 58.580 tỷ đồng, tăng trưởng 15,8% và cao hơn 3% so với kỳ vọng của chúng tôi ở mức 56.911 tỷ đồng (tăng 12,5%), dựa trên giả định doanh thu mảng Công nghệ sẽ tăng mạnh. Chi tiết như sau:

- FPT đặt mục tiêu doanh thu mảng Công nghệ đạt 52.650 tỷ đồng, tăng trưởng 18,4%, cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 51.129 tỷ đồng (tăng trưởng 15%).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch năm 2026 của Công ty và dự báo của HSC, FPT

FPT đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu thuần và LNTT năm 2026 đạt lần lượt là 15,8% và 15%

Tỷ đồng	2025 điều chỉnh	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng	HSC dự báo 2026	2025 điều chỉnh so với KH 2026
Doanh thu thuần	50,606	58,580	15.8%	56,911	-2.8%
CNTT	44,475	52,650	18.4%	51,129	-2.9%
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	6,131	5,930	-3.3%	5,782	-2.5%
LNTT	10,108	11,629	15.0%	12,257	5.4%
CNTT	5,883	7,350	24.9%	6,862	-6.6%
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	4,225	4,279	1.3%	5,395	26.1%
Lợi nhuận thuần	9,376	10,520	12.2%	10,602	0.8%

Ghi chú: "Giáo dục, đầu tư & mảng khác" bao gồm FPT Telecom (sở hữu 45.66%) theo phương pháp vốn CSH.

Nguồn: FPT, HSC

- Mục tiêu doanh thu mảng Giáo dục, đầu tư và các mảng khác ở mức 5.930 tỷ đồng (giảm 3,3% so với cùng kỳ), cao hơn so với dự báo của chúng tôi ở mức 5.782 tỷ đồng (giảm 5,7% so với cùng kỳ). Phần lớn khoản doanh thu này dự kiến sẽ đến từ mảng Giáo dục.

Về chi phí đầu tư, FPT có kế hoạch đầu tư 4.200 tỷ đồng trong năm 2026 cho mảng Công nghệ (bao gồm việc mở rộng các tổ hợp văn phòng tại Hà Nội, TP.HCM, Bình Định và hoạt động nghiên cứu & phát triển) và 3.000 tỷ đồng cho mảng Giáo dục (tập trung vào các trường đại học tại Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng).

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025-2026

FPT đề xuất kế hoạch cổ tức cho năm 2025 bao gồm cổ tức bằng tiền mặt là 2.000đ/cp, trong đó 1.000đ đã được chi trả trong năm 2025 và 1.000đ còn lại sẽ được chi trả vào Q2/2026. Công ty cũng đề xuất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vào Q3/2026. Cho năm 2026, FPT đề ra mức cổ tức bằng tiền mặt tối đa là 2.000đ/cp, tương ứng với lợi suất cổ tức 2,7%.

Kế hoạch ESOP với tỷ lệ pha loãng dự kiến 0,7% mỗi năm

FPT đang triển khai chương trình ESOP 3 năm dành cho nhân viên với mức giá 10.000đ/cp, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm. Chương trình này tương đương với tỷ lệ pha loãng 0,5% mỗi năm (cho giai đoạn 2024-2026).

Công ty cũng có chương trình ESOP 5 năm dành cho các cán bộ nhân viên chủ chốt (tối đa 20 nhân sự xuất sắc và không bao gồm các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027), thực hiện phát hành hàng năm trong giai đoạn 2026-2030. Tỷ lệ pha loãng tối đa cho chương trình này là 1%, tương đương tối đa 0,2% mỗi năm. Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế sẽ phụ thuộc vào KQKD của FPT (với điều kiện lợi nhuận thuần tăng bằng hoặc trên 10%) và tỷ suất sinh lời cổ phiếu (tổng tỷ suất sinh lời trên 0%) với giá phát hành là 10.000đ/cp. Thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với chương trình này là 10 năm.

Ngoài ra, trong kỳ ĐHCĐ sắp tới, FPT cũng đề xuất chương trình ESOP 3 năm mới dành cho nhân viên, tương đương với tỷ lệ pha loãng 0,5% mỗi năm (cho giai đoạn 2027-2029). Đây có vẻ là chương trình gia hạn của chương trình ESOP 3 năm hiện tại. Thời gian hạn chế chuyển nhượng cũng là 3 năm với giá phát hành 10.000đ/cp.

Như vậy, nếu đề xuất chương trình ESOP mới được thông qua, tỷ lệ pha loãng của FPT trong các năm 2026/2027/2028/2029/2030 sẽ vào khoảng 0,7% mỗi năm. Chúng tôi chưa phản ánh các chương trình ESOP này vào mô hình dự báo lợi nhuận.

Thay đổi thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027

Sau khi ông Hiroshi Yokotsuka từ nhiệm vào ngày 18/3, HĐQT đã đề cử ông Toshikazu Nambu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. Đến từ Tập đoàn Sumitomo với gần 40 năm kinh nghiệm, ông Nambu từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao bao gồm Tổng Giám đốc của Sumitomo Americas, Phó Tổng Giám đốc điều hành và Giám đốc Tài chính. Ông có chuyên môn quản trị toàn cầu, thực hiện các thương vụ mua bán và sáp nhập quy mô lớn và chuyển đổi số, nhờ có mối quan hệ sâu rộng trong Chính phủ và các lĩnh vực kinh doanh tại Nhật Bản.

Việc bổ nhiệm một lãnh đạo cấp cao người Nhật – hiện đang là Phó Chủ tịch tại tổ chức của mình – cho thấy ý định chiến lược của FPT trong việc thâm nhập sâu hơn vào thị trường Nhật Bản và nâng cao năng lực thực hiện các thương vụ M&A trên toàn cầu. Bằng cách tận dụng kinh nghiệm dày dặn ở cấp quản lý của ông Nambu ở lĩnh vực chính sách và công nghệ, FPT có khả năng sẽ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và đẩy nhanh quỹ đạo tăng trưởng quốc tế thông qua các liên minh chiến lược cấp cao. Sau sự thay đổi này, HĐQT của FPT vẫn giữ nguyên số lượng bảy thành viên, trong đó có ba thành viên độc lập.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 23% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,7 lần, thấp hơn nhiều so với trung bình 3 năm quá khứ ở mức 19 lần. Theo đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 113.500đ (tiềm năng tăng giá 52%).

Đáng chú ý, mặc dù KHKD năm 2026 của FPT về cơ bản vẫn sát với dự báo lợi nhuận thuần, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận – bên cạnh các lý do khác, nhằm phản ánh đầy đủ việc ngừng hợp nhất FPT Telecom vào BCTC trong thời gian gần đây. Chúng tôi nhấn mạnh rằng sự thay đổi này thuần túy là sự điều chỉnh mang tính kỹ thuật và không tạo ra bất kỳ tác động nào đến lợi ích cốt lõi của cổ đông.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	78,813	88,483	99,870
Lợi nhuận gộp	23,698	25,895	29,262	32,339	35,898
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,912)	(16,560)	(18,338)	(20,557)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,984	12,702	14,001	15,341
Lãi vay thuần	124	1,305	1,484	1,911	2,590
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	393	658	702	874	985
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	103	116	131
LN TT	11,070	13,039	14,992	16,903	19,047
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,813)	(2,265)	(2,614)	(3,000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	(2,125)	(2,336)	(2,504)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,369	10,602	11,953	13,544
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,353	10,583	11,933	13,520
EBITDA ĐC	13,044	13,883	15,805	17,760	19,890
EPS (đồng)	4,917	5,060	5,726	6,456	7,314
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,060	5,726	6,456	7,314
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,540	9,737	8,421	6,114
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,613	36,817	47,862	62,221
Phải thu khách hàng	11,382	14,401	15,996	17,959	20,270
Hàng tồn kho	1,857	2,167	2,433	2,731	2,996
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,382	1,551	1,741	1,966
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,103	66,534	78,714	93,566
TSCĐ hữu hình	15,334	16,991	17,124	16,958	16,399
TSCĐ vô hình	2,040	1,943	1,867	1,730	1,514
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	1,321	1,472	1,631
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	3,760	3,948	4,146
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,315	5,871	6,114	6,514
Tổng tài sản dài hạn	26,464	29,987	29,943	30,222	30,204
Tổng cộng tài sản	72,000	88,090	96,478	108,936	123,770
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	18,915	20,351	21,971
Phải trả người bán	4,424	3,837	4,307	4,836	5,458
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,593	16,383	18,394	20,761
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,553	42,921	47,303	52,391
Nợ dài hạn	501	1,904	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	199	239	286	344
Nợ dài hạn khác	315	277	311	349	394
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,380	1,549	1,635	1,737
Tổng nợ phải trả	36,272	44,338	44,471	48,938	54,129
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,486	43,652	50,390	58,592
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	8,355	9,608	11,049
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,751	52,007	59,998	69,641
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,090	96,478	108,936	123,770
BVPS (đ)	20,253	21,418	25,624	29,580	34,394
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,632	10,533	10,178	12,930	16,858

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,984	12,702	14,001	15,341
Khấu hao	(2,535)	(2,900)	(3,103)	(3,758)	(4,548)
Lãi vay thuần	124	1,305	1,484	1,911	2,590
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,813)	(2,265)	(2,614)	(3,000)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,147)	(2,013)	(1,310)	(1,456)
Khác	(125)	(2,040)	(1,847)	(2,274)	(2,840)
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,189	11,164	13,473	15,184
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,151)	(3,623)	(4,017)	(4,457)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,705)	(7,383)	(11,233)	(14,556)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	2,759	3,284	4,161
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,660)	(8,247)	(11,967)	(14,852)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	(313)	1,436	1,620
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(3,720)	(2,823)	(2,639)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,540	9,737	8,421
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,331	(803)	(1,317)	(2,307)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,540	9,737	8,421	6,114
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	7,542	9,456	10,727

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	37.1	36.5	35.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	20.1	20.1	19.9
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	13.5	13.5	13.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	15.1	15.5	15.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	12.4	12.3	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.44	13.8	12.4	12.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	2.92	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	17.8	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	39.5	34.9	38.7	34.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.5	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	25.4	24.3	23.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.85	0.86	0.86
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.93	0.88	0.96	0.99
Số ngày tồn kho	17.3	17.9	17.9	17.8	17.1
Số ngày phải thu	106	119	118	117	116
Số ngày phải trả	41.2	31.7	31.7	31.4	31.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	31.0	25.3	27.6	30.6
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.8	21.5	20.5	19.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.31	1.26	1.21
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.55	1.66	1.79
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.84	1.96	1.74	1.58	1.44
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.85	9.91	8.68	7.88	7.24
P/E (lần)	15.2	14.7	13.0	11.6	10.2
P/E ĐC (lần)	17.4	14.7	13.0	11.6	10.2
P/B (lần)	3.68	3.48	2.91	2.52	2.17
Lợi suất cổ tức (%)	2.68	2.68	2.68	3.35	3.35

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn